

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ QUẢNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HS-ST
Ngày 07-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ QUẢNG, TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Long Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Lệ Dung

Ông Phan Văn Úy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lô Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2022/TLST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Đàm Văn Ph, sinh ngày 27 tháng 9 năm 1982; nơi sinh, nơi cư trú: xóm Cô A, xã Quang H, huyện Trùng Kh, tỉnh CB; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Văn S và bà Trương Thị B; có vợ là Phương Thị Th và 02 con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21-6-2022 đến ngày 05-8-2022 tại Nhà Tạm giữ Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, sau đó Bị cáo được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh và được tại ngoại từ đó đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo: Ông Bế Văn Bắc - Trợ giúp viên pháp lý; nghề nghiệp: Viên chức, công tác tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- Bị hại: Anh Bế Ngọc Đ; sinh năm 1988; nơi cư trú: xóm Pò M, xã Quang H1, huyện Trùng K, tỉnh CB; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Phương Thị Th; sinh năm 1988; nơi cư trú: xóm Cô A, xã Quang H, huyện Trùng Kh, tỉnh CB; có mặt.

*** Người tham gia tố tụng khác:**

Người làm chứng: Ông Phan Văn X; sinh năm 1960; nơi cư trú: xóm Cột N, xã

Tổng C, huyện HQ, tỉnh CB; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 20-6-2022, bị cáo Đàm Văn Ph điều khiển xe mô tô BKS 11H1- 26126 (thuộc sở hữu chung của Bị cáo và chị Phương Thị Th) đến xóm Cột N, xã Tổng C, huyện HQ, tỉnh CB để tìm mua ngựa, hôm đó Bị cáo mặc áo màu trắng cộc tay, quần soóc màu. Khi đến quán nước của anh Phan Văn T (người làm chứng) gặp anh Bé Ngọc Đ (là người nhiều lần cùng Bị cáo đi mua ngựa), trong lúc mọi người vào nhà T xem ngựa (khoảng 11 giờ trưa cùng ngày) thì Ph không vào mà đứng ở ngoài đường cạnh chỗ để xe máy (cách chỗ xem ngựa khoảng 20 mét), biết Đ có thói quen để tiền ở cốp xe nên Bị cáo đã nảy sinh ý định trộm tiền của Đ để sử dụng cho bản thân. Quan sát xung quanh thấy không có người, Bị cáo đến gần xe máy của Đ (nhãn hiệu Honda Wave S màu đen BKS 11Y1-1799) dùng tay phải kéo yên xe của Đ để tạo khe hở, tay trái móc vào trong cốp xe lấy được 01 chiếc áo mưa màu xanh mỏng và 03 cọc tiền Việt Nam đồng (01 cọc loại mệnh giá 200.000 đồng, 02 cọc loại mệnh giá 500.000 đồng). Sau đó, Bị cáo cho tiền trộm được vào cốp xe máy của mình rồi nhanh chóng điều khiển xe bỏ đi tìm mua ngựa ở nhiều nơi khác, chưa kiểm đếm và chưa dùng vào số tiền đã lấy trộm được. Về phía bị hại Bé Ngọc Đ, sau khi ăn cơm xong thì đi ra xe để lấy tiền mua ngựa thì phát hiện số tiền mang theo đã bị mất (lúc này khoảng 13 giờ 30 phút) nên báo cơ quan chức năng. Do nghi ngờ bị cáo Ph đã lấy trộm tiền nên khoảng hơn 18 giờ cùng ngày, Đ gọi điện cho Bị cáo hỏi có được trộm tiền không, nhưng Bị cáo không trả lời cụ thể. Đến 20 giờ cùng ngày, sợ sự việc bị bại lộ và cảm thấy ân hận về việc làm của mình, Bị cáo đã gọi điện cho Đ để hẹn gặp và trả lại toàn bộ số tiền đã lấy trộm được (119.800.000 đồng) tại quán nước Hoa H, thị trấn Trà L, huyện Trùng K, tỉnh CB.

Tại bản Cáo trạng số 22/CT-VKSHQ ngày 04 tháng 8 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Quảng đã truy tố Bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố Bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”;
- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 65; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt Bị cáo từ 26 tháng đến 36 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 52 đến 60 tháng; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo.
- Về trách nhiệm dân sự: Không phát sinh do Bị hại không yêu cầu.
- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:
 - + Tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước tài sản, phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội: nộp ½ giá trị 01 xe mô tô Honda Wave α màu đen, biển kiểm soát

11H1-26126 vào ngân sách nhà nước, còn lại $\frac{1}{2}$ số tiền phát mại xe mô tô biển kiểm soát 11H1-26126 trả lại cho vợ của Bị cáo là chị Phương Thị Th.

+ Trả lại cho Bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh tím, đã qua sử dụng.

- Áp dụng các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa trình bày Luận cứ bào chữa cho Bị cáo, nhất trí với kết luận của Kiểm sát viên về việc truy tố Bị cáo về tội danh nêu trên. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét Bị cáo có trình độ văn hóa thấp, suy nghĩ bông bột nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa Bị cáo thành khẩn khai báo. Bị cáo ăn năn hối hận và tác động gia đình bồi thường thiệt hại, Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, cho Bị cáo được hưởng mức án thấp nhất theo đề nghị mức khởi điểm của Viện kiểm sát. Ngoài ra, về vật chứng Người bào chữa nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, Bị cáo thừa nhận hành vi đã thực hiện đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, nhất trí với Luận cứ bào chữa. Bị cáo đã biết Đ chuẩn bị tiền đi mua ngựa trước đó hai ngày và Đ hay để tiền trong cốp xe máy của Đ. Chiếc xe mô tô BKS 11H1- 26126 là sở hữu chung của Bị cáo và vợ là chị Phương Thị Th tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân (dùng tiền vợ chồng sản xuất, chăn nuôi được đi mua và cho chị Th đứng tên người mua trong Giấy mua bán), Bị cáo đã thực hiện hành vi dùng chiếc xe này cất giấu tài sản vào cốp xe và điều khiển chiếc xe này rời khỏi hiện trường, di chuyển đi nhiều nơi để tránh bị phát hiện cùng với dòng suy nghĩ chiếm đoạt số tài sản này để phục vụ chi tiêu cá nhân và trả nợ cho người khác. Bị cáo chưa tìm ra được phương án là sẽ cất giấu số tiền này ở đâu, còn đang đi xe trên đường thì Bị hại đã gọi điện hỏi Bị cáo. Vì vậy, Bị cáo thấy có lỗi đã gọi điện hẹn gặp bị hại Đ tại quán nước Hoa H, ở đây Bị cáo mở lấy tiền trong cốp xe mang vào quán để trả cho Đ, tại đây khi kiểm đếm tiền (Bị cáo và Bị hại mỗi người đếm từng cọc riêng) tổng cộng là 120.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó Bị cáo được Công an xã Tổng Cột gọi lên làm việc, khi đếm lại tiền mà anh Đ nộp cho Công an thì chỉ có 119.800.000 đồng, Bị cáo cho rằng có lẽ tại quán nước đã đếm không chính xác, vì Bị cáo chưa dùng vào số tiền này. Bị cáo xin được hưởng hình phạt nhẹ nhất, được cải tạo tại địa phương để Bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

Tại phiên tòa, bị hại anh Bé Ngọc Đ xác nhận, Anh bị mất trộm tài sản như bản Cáo trạng đã nêu là đúng sự thật. Sau khi bị Anh nghi ngờ tra hỏi qua điện thoại thì Bị cáo không thừa nhận ngay việc trộm tiền, tuy nhiên sau đó Bị cáo đã hẹn Anh xin lỗi và trả lại toàn bộ số tiền trộm tại quán nước Hoa H ngay trong ngày hôm đó. Việc kiểm đếm tiền trong quán nước có thể không chính xác, vì vậy Anh khẳng định số tiền Bị cáo lấy trộm chính xác là 119.800.000 đồng theo kết quả kiểm đếm tại Công an xã Tổng Cột; Anh thừa nhận số tiền khi Anh bỏ vào cốp xe để đi tìm mua ngựa cũng không kiểm đếm

cụ thể số tiền đó. Số tiền này sau đó Anh đã được trả lại trong giai đoạn điều tra. Ngoài ra, Bị cáo còn trộm 01 chiếc áo mưa mỏng của Anh trị giá khoảng 10.000 đồng kèm theo số tiền, nhưng Bị cáo đã làm mất, chiếc áo mưa có giá trị không đáng kể và Anh cũng không bị thiệt hại gì thêm, do vậy mặc dù trước đó Vợ của Bị cáo có bồi thường cho Anh 5.000.000 đồng, nhưng Anh đã từ chối không nhận. Nay Anh không yêu cầu Tòa giải quyết bồi thường thiệt hại và xin giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phương Thị Th cho rằng, chiếc xe máy biển kiểm soát 11H1-26126 là tài sản chung của vợ chồng giữa Chị và bị cáo Đàm Văn Ph, mua với người khác nay chưa kịp sang tên. Nguồn gốc tiền mua tài sản do vợ chồng Chị bán bò từ việc vợ chồng chăn nuôi được trong thời kỳ hôn nhân, việc bị cáo Ph dùng xe đi trộm cắp Chị hoàn toàn không biết, Chị yêu cầu được trả lại chiếc xe này để làm phương tiện đi lại phục vụ nhu cầu sinh hoạt gia đình.

Lời khai của người làm chứng Phan Văn X xác nhận, khoảng 11 giờ trưa ngày 20-6-2022, khi ra đứng trước cửa nhà Anh, thì Anh nhìn thấy một thanh niên nam lạ mặt khoảng trên 30 tuổi mặc áo phong cộc tay màu trắng đứng nói chuyện điện thoại ở gần chiếc xe máy, mà sau đó thấy chủ xe máy đó là người mua ngựa báo bị mất tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi của Bị cáo bị Viện kiểm sát truy tố:

Lời khai nhận của Bị cáo tại phiên tòa phù hợp với toàn bộ lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của Bị hại và người làm chứng; phù hợp với Biên bản xác định vị trí trả lại tiền tại quán nước Hoa H và chứng cứ là vật chứng đã thu thập được. Như vậy, đủ cơ sở kết luận vào khoảng 11 giờ trưa ngày 20-6-2022 bị cáo Ph đứng ở ngoài đường cạnh chỗ để xe máy của bị hại Đ tại xóm Cột N (xã Tổng C, huyện HQ, tỉnh CB), khi quan sát xung quanh không thấy ai, Bị cáo đã đến gần xe máy của Đ (nhãn hiệu Honda Wave S màu đen BKS 11Y1-1799) dùng tay phải kéo yên xe của Đ lên để tạo khe hở và tay trái của Bị cáo móc vào trong cốp xe chiếm đoạt được 119.800.000 đồng của Bị hại. Trên cơ sở vật chứng của vụ án thu giữ được cùng các tài liệu, chứng cứ khác, đủ cơ sở kết luận Bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử chấp nhận các chứng cứ do Kiểm sát viên đưa ra.

Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định về tội “Trộm cắp tài sản”:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:..

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;...”

Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có trình độ văn hóa nên hoàn toàn nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản thuộc sở hữu của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của Bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Bị hại, xâm phạm trực tiếp đến trật tự trị an và nếp sống văn minh xã hội, làm ảnh hưởng đến cuộc sống bình yên và gây bất bình trong quần chúng nhân dân, do đó Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự.

[2] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt; Bị cáo thành khẩn khai báo, vì ăn năn hối hận Bị cáo đã tự nguyện xin lỗi Bị hại và tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho Bị hại, Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, việc Bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại và việc Bị cáo tác động gia đình bồi thường thay nhưng Bị hại từ chối không nhận thuộc trường hợp tự nguyện bồi thường thiệt hại. Do vậy, việc đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ của đại diện Viện kiểm sát, Người bào chữa quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về quyết định hình phạt:

Xét lời bào chữa cho Bị cáo của Người bào chữa đề nghị xem xét, quyết định hình phạt ở mức đề nghị khởi điểm của Viện kiểm sát là quá nhẹ, chưa đảm bảo tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của Bị cáo đã gây ra, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Xét mức đề nghị hình phạt cao nhất đối với Bị cáo của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng đối với Bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy chưa cần thiết phải cách ly Bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, vẫn đủ điều kiện cải tạo, giáo dục Bị cáo trở thành người công dân có ích và đáp ứng được yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm. Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã được nhận lại tài sản bị trộm cắp là 119.800.000 đồng, nhận lại tài sản bị tạm giữ là một chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA biển kiểm soát 11Y1-1799 màu đen thuộc sở hữu của Bị hại vào ngày 14-7-2022. Ngoài ra, 01 chiếc áo mưa mỏng Bị cáo trộm và cho rơi, Bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Xét thấy, việc Bị hại không yêu cầu là tự nguyện, cần ghi nhận.

[5] Việc xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, cần xử lý như sau:

- Vật chứng của vụ án:

+ Số tiền Bị cáo chiếm đoạt của Bị hại 119.800.000 đồng và chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA biển kiểm soát 11Y1-1799 màu đen, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho Bị hại ngày 14-7-2022.

+ 01 chiếc áo mưa mỏng Bị cáo trộm và di chuyển đã để rơi trên đường, không thu thập được, nên tòa không xem xét.

+ Xét yêu cầu được trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , BKS 11H1-26126 của chị Phương Thị Th thấy rằng, chiếc xe này là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Đàm Văn Ph và chị Phương Thị Th tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân. Bị cáo đã dùng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình làm phương tiện cho việc thực hiện tội phạm để dịch chuyển tài sản, cất giấu tài sản trộm cắp và điều khiển xe chạy khỏi hiện trường với chuỗi hành vi mang tính liên tục cho đến khi Bị cáo lấy tiền từ cốp chiếc xe này trả cho Bị hại thì mới chấm dứt hành vi che giấu, hành vi chiếm đoạt của Bị cáo. Vì vậy, Tòa không thể chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Th, mà cần tịch thu phát mại: Nộp vào ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ số tiền phát mại xe mô tô (là phần tài sản thuộc sở hữu của bị cáo Ph), còn lại $\frac{1}{2}$ số tiền phát mại xe trả lại cho chị Phương Thị Th.

- Vật chứng khác:

01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh tím (Số IMEI 1: 864874059380553, số IMEI 2: 864874059380546) thuộc sở hữu của Bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

[6] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử về cơ bản thực hiện đúng về thẩm quyền, thủ tục quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tuy nhiên, về việc xử lý vật chứng vụ án trong giai đoạn trước khi chuyển hồ sơ vụ án sang Tòa án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự, thì Hội đồng xét xử phải sử dụng các chứng cứ đã thu thập được để kiểm tra, đánh giá tại phiên tòa, phải sử dụng chứng cứ để ra quyết định tố tụng. Vì vậy, đòi hỏi việc bảo quản vật chứng phải bảo đảm gìn giữ nguyên vẹn giá trị chứng minh, phải đảm bảo cho vật chứng có giá trị chứng minh được sử dụng nhiều lần cho đến khi kết thúc vụ án, cụ thể Hội đồng xét xử khi cần thiết sẽ trích xuất vật chứng vụ án ra xem xét ngay tại phiên tòa để bảo đảm phán quyết bằng bản án đúng pháp luật để kết thúc việc xét xử vụ án. Do vậy, cần rút kinh nghiệm trong những trường hợp là vật chứng của vụ án trong các vụ án tương tự khác, các cơ quan tiến hành tố tụng cần chuyển giao vật chứng của vụ án cho Cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm bảo quản vật chứng trong giai đoạn xét xử và thi hành án theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 90 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Đàm Văn Ph phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Đàm Văn Ph 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Bị cáo cho Ủy ban Nhân dân xã Quang Hán, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp Bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

2.1. Xác nhận bị hại Bế Ngọc Đ đã được nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, số tiền là 119.800.000 đồng (Một trăm mười chín triệu tám trăm nghìn đồng chẵn), tại Biên bản giao nhận ngày 14-7-2022.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của bị hại anh Bế Ngọc Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết việc bồi thường thiệt hại.

3. Việc xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự,

3.1. Vật chứng của vụ án:

- Xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hà Quảng đã trả lại cho bị hại anh Bế Ngọc Đ vật chứng của vụ án là số tiền Bị cáo chiếm đoạt của Bị hại (119.800.000 đồng - là số tiền nêu trong tiểu mục 2.1) và 01 chiếc xe mô tô thuộc sở hữu của Bị hại (nhãn hiệu HONDA biển kiểm soát 11Y1-1799 màu đen, đã qua sử dụng), tại Biên bản giao nhận ngày 14-7-2022.

- Xác nhận vật chứng là 01 chiếc áo mưa mỏng, Cơ quan điều tra không thu thập được.

- Tịch thu phát mại nộp vào ngân sách nhà nước: ½ giá trị 01 xe mô tô Honda Wave α màu đen, biển kiểm soát 11H1-26126 đã qua sử dụng (số khung RLHJA3905HY713284, số máy JA39E0693420).

Trả lại cho chị Phương Thị Th (nơi cư trú: xóm Cô A, xã Quang H, huyện Trùng Kh, tỉnh CB) ½ giá trị của 01 xe mô tô Honda Wave α màu đen, biển kiểm soát 11H1-26126 sau khi phát mại.

3.2. Vật chứng khác:

- Trả lại cho bị cáo Đàm Văn Ph 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh tím (Số IMEI 1: 864874059380553, số IMEI 2: 864874059380546), đã qua sử dụng.

Xác nhận: Vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Quảng, theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05 tháng 8 năm 2022.

4. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Buộc Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng chẵn) nộp vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự,

Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người CQLNVLQ;
- UBND xã Quang Hán;
- VKSND huyện Hà Quảng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan THAHS Công an H. Hà Quảng;
- Chi cục THADS huyện Hà Quảng;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hà Quảng;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Lưu: Hồ Sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Long Thị Thanh

